

Số: /BC-BCĐPC-XMC

Đa Phúc, ngày tháng năm 2024

BÁO CÁO

Tổng kết công tác Phổ cập giáo dục - xóa mù chữ năm 2024 Phương hướng nhiệm vụ năm 2025

Căn cứ Nghị định 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về điều kiện đảm bảo và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

Căn cứ Nghị quyết số 14-NQ/TU ngày 05/12/2003 của Ban Thường vụ Thành ủy; Nghị quyết số 57/2003-NQ/HĐND ngày 18/02/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về phổ cập Trung học và Nghề;

Căn cứ Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”;

Thực hiện kế hoạch số 60/BCĐPC ngày 07/10/2024 của UBND phường Đa Phúc về công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ 2024;

Ban chỉ đạo PCGD của phường báo cáo công tác Tổng kết công tác Phổ cập giáo dục - XMC năm 2024 Phương hướng nhiệm vụ năm 2025 như sau:

Năm 2024 mặc dù còn gặp nhiều khó khăn do tác động của nền kinh tế và đời sống nhân dân, số đối tượng trong độ tuổi phổ cập có nguy cơ bỏ học ở 04 loại hình trường đặc biệt trường THPT và Nghề, nhưng với sự quyết tâm cao của Đảng bộ và sự cố gắng của Ban chỉ đạo phổ cập phường công tác phổ cập của địa phương đã đạt được kết quả như sau:

A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Phường Đa Phúc nằm phía Tây Bắc của quận Dương Kinh, có diện tích đất tự nhiên 595,64 ha, dân số trên 3.630 hộ với hơn 11.865 nhân khẩu có địa bàn giáp ranh với các phường Đồng Hoà, Nam Sơn, Văn Đẩu thuộc Quận Kiến An; phường Hưng Đạo thuộc quận Dương Kinh; phường Vĩnh Niệm thuộc quận Lê Chân; xã Hữu Bằng thuộc huyện Kiến Thụy. Trên địa bàn phường phần lớn vẫn là diện tích đất nông nghiệp, không có các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp lớn, chủ yếu là các cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ nhỏ lẻ. Đời sống của nhân dân trên địa bàn phường tuy đã được cải thiện nhưng cũng vẫn còn gặp không ít khó khăn. Số lao động trên địa bàn một phần làm nông nghiệp, một phần tham gia lao động, sản xuất kinh doanh, dịch vụ, số còn lại làm lao động tự do và làm

việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn lân cận. Do tình hình kinh tế đang dần có bước phục hồi vì vậy số lao động trên cơ bản có việc làm ổn định cho thu nhập từ 3 đến 5 triệu đồng/ tháng.

I. Những thuận lợi và khó khăn

1. Thuận lợi

- Được sự quan tâm chỉ đạo của Quận ủy, Ủy ban nhân dân quận, Ban chỉ đạo phổ cập của quận, sự chỉ đạo trực tiếp của Ban chấp hành Đảng bộ, Ủy ban nhân dân phường. Sự phối hợp đồng bộ có hiệu quả của các ban ngành, đoàn thể, Tổ dân phố và các trường học trên địa bàn phường.

- Các thành viên trong Ban chỉ đạo hầu hết là người đã nhiều năm công tác do đó việc nắm bắt thông tin các đối tượng phổ cập luôn được cập nhật thường xuyên.

- Cơ quan thường trực làm công tác phổ cập phần lớn là những cán bộ, giáo viên là người địa phương, có nhiều kinh nghiệm và tâm huyết với công việc vì vậy nắm bắt rất sát sao các đối tượng cần phổ cập.

- Các trường học, các doanh nghiệp nơi đối tượng phổ cập đang học tập và công tác luôn tạo điều kiện cho các cộng tác viên đến điều tra và lấy chứng lí kịp thời.

- HCMHS quan tâm tạo điều kiện nên CSVC các trường ngày càng được nâng cấp, bổ sung đảm bảo cho việc học tập của học sinh.

- Học sinh chăm ngoan, hiếu học, chất lượng giáo dục đại trà, chất lượng mũi nhọn học sinh giỏi ở các trường nâng lên rõ rệt.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS thi đỗ vào THPT công lập hàng năm cao tạo được niềm tin trong học sinh và phụ huynh học sinh.

2. Khó khăn.

- Là một phường rộng, dân số đông, phần lớn nhân dân trên địa bàn vẫn còn làm nông nghiệp, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Trên địa bàn phường không có các cơ quan, doanh nghiệp lớn mà chỉ có các cơ sở sản xuất, kinh doanh buôn bán nhỏ lẻ. Nhiều con em địa phương sau khi học tập ra trường không xin được việc làm, phải ở nhà làm nông nghiệp hoặc làm dầy da tại các công ty trên địa bàn quận.

- Một số gia đình và đối tượng trong độ tuổi phổ cập vẫn chưa nhận thấy quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong công tác phổ cập TH & Nghề.

- Các đối tượng phải phổ cập tham gia đi làm rải rác ở các công ty, các trường, có em làm xa, thậm chí thay đổi việc làm liên tục nên việc xin xác nhận chứng lí gặp nhiều khó khăn.

- Nguồn ngân sách địa phương rất khó khăn do đó kinh phí đầu tư cho công tác Phổ cập còn hạn chế.

- Cán bộ làm công tác phổ cập hầu hết kiêm nhiệm vì vậy thời gian đầu tư cho công tác phổ cập không nhiều.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHỔ CẬP NĂM 2024

1/ Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Tổ chức triển khai thực hiện các Chỉ thị, Nghị quyết của TW, các văn bản chỉ đạo của thành phố, Sở GD&ĐT, Quận ủy- UBND quận Dương Kinh;

Kiện toàn Ban điều hành Phổ cập của phường, tổ chuyên trách công tác phổ cập ở các trường.

Xây dựng kế hoạch phổ cập giáo dục Mầm non, phổ cập giáo dục Tiểu học, giáo dục Trung học và Nghề, các thành viên BDHPC phường đã phối hợp với các ban ngành đoàn thể địa phương, các trường để thực hiện kế hoạch phổ cập của phường.

Phối kết hợp chặt chẽ giữa ban điều hành phổ cập với các tổ dân phố, các đoàn thể địa phương, các nhà trường dưới sự chỉ đạo toàn diện Đảng ủy để triển khai thực hiện kế hoạch.

Định kỳ họp sơ kết, rút kinh nghiệm, bổ sung kế hoạch để thực hiện tốt đề án phổ cập của phường.

2/ Công tác tuyên truyền

Ban chỉ đạo phổ cập của phường đã làm tốt công tác tham mưu với cấp ủy Đảng, Chính quyền địa phương, làm tốt công tác tuyên truyền tới từng TDP, tới các ban ngành đoàn thể với nhiều hình thức đa dạng, phong phú nên nhân dân địa phương đã có nhận thức đúng đắn và quan tâm đến công tác phổ cập giáo dục của địa phương.

3/ Nâng cao chất lượng dạy và học trong các nhà trường

- Tăng cường bổ sung CSVC, làm tốt công tác xã hội hóa giáo dục, tạo điều kiện để các trường thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, hoạt động ngoại khoá ngoài giờ lên lớp, xây dựng mô hình liên kết giữa nhà trường với công an phường để giáo dục đạo đức học sinh chưa ngoan và phổ biến tuyên truyền giáo dục pháp luật cho học sinh nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện các nhà trường, nâng cao tỷ lệ học sinh đỗ vào THPT công lập hàng năm.

- Vận động nhân dân chăm lo giáo dục, 100% số cháu trong độ tuổi 5 tuổi vào mẫu giáo, 100% các em hoàn thành chương trình tiểu học vào lớp 6, các cháu tốt nghiệp THCS vào học một trong 4 loại hình trường. Có chế độ khen thưởng, hỗ trợ cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn để duy trì sỹ số lớp ở các cấp học.

- Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa Nhà trường- Gia đình và xã hội, chất lượng giáo dục ở các nhà trường đã thành địa chỉ tin cậy để nhân dân yên tâm gửi con em đến trường.

III/ Kết quả cụ thể :

A. PHỔ CẬP MẦM NON:

1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi

1.1 Phòng học:

- Ưu điểm: Có đủ phòng học chuẩn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non
- Tồn tại và nguyên nhân: Phòng chức năng còn thiếu một số đồ dùng do vậy cũng làm ảnh hưởng đến công tác giáo dục của nhà trường.

- Có 5/5 (đạt 100%) phòng học kiên cố, đạt chuẩn theo quy định tại Điều lệ trường mầm non

* **Đánh giá:** Đạt Chưa đạt

1.2. Thiết bị:

- Ưu điểm: 100% các lớp 5 tuổi có đủ trang thiết bị đồ dùng theo Thông tư số 01/VBHN-BGDĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015

- Có 5/5 (đạt 100%) lớp có bộ thiết bị dạy học tối thiểu để thực hiện chương trình Giáo dục mầm non.

- Có 5/5 (đạt 100%) lớp có máy vi tính và phần mềm trò chơi ứng dụng công nghệ thông tin

* **Đánh giá:** Đạt Chưa đạt

1.3. Giáo viên:

- Có 10/10(đạt 100%) giáo viên dạy MG 5 tuổi đạt chuẩn, trên chuẩn trở lên. Trong đó, có 10/10 trình độ trên chuẩn (đạt 100%)

- Có 10/10 (đạt 100%) giáo viên dạy MG5 tuổi được hưởng thu nhập và các chế độ khác theo thang bảng lương giáo viên mầm non.

* **Đánh giá:** Đạt Chưa đạt

1.4 Học sinh:

1.4.1: Học sinh trong độ tuổi được đi học

- Nhà trẻ: Có 141/260 (đạt 54 %) trong đó trẻ học tại địa bàn là 132 trẻ, trẻ đi học ngoài địa bàn là 09 trẻ. Bao gồm cả trẻ ngoài công lập

- Mẫu giáo: Có 450/ 458(đạt 98%) trong đó trẻ học tại địa bàn là 430 trẻ, trẻ đi học ngoài địa bàn là 20 trẻ.

- Tổng số trẻ khuyết tật trong độ tuổi từ 0-5 tuổi trên địa bàn: 0 trẻ.

1.4.2: Học sinh đã được hưởng chế độ chính sách theo quy định (chỉ tính trên số trẻ trong diện được hưởng chế độ chính sách theo quy định)

- Có 5/5 (đạt 100%) trẻ em trong các cơ sở GDMN được hỗ trợ ăn trưa (trong đó, trẻ 5 tuổi có: 5/5 đạt 100%).

- 0/5 có trẻ em trong các cơ sở GDMN thuộc diện được hỗ trợ chi phí học tập

- Có 5/5 (đạt 100%) trẻ em trong các cơ sở GDMN được miễn giảm học phí (trong đó, 600/718 (đạt 83,6%) trẻ em được chăm sóc giáo dục theo chương trình

Giáo dục mầm non do Bộ GD&ĐT ban hành (trong đó, trẻ 5 tuổi có: 170/170 đạt 100%).

* **Đánh giá:** Đạt Chưa đạt

1.5. Đánh giá các tiêu chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi

1.5.1. Tiêu chuẩn 1: Quy mô trường lớp, cơ sở vật chất

	Nội dung	Kết quả thực hiện		Đánh giá
		SL	%	
-	Số trường có sân chơi	2	100%	Đạt
	Số sân chơi có đồ chơi	2	100%	Đạt
	Số trường có bếp ăn bán trú	1	100%	Đạt
	Số trường có công trình vệ sinh đủ và đạt yêu cầu	1	100%	Đạt
	Số trường có nguồn nước sạch và hệ thống thoát nước đạt yêu cầu	1	100%	Đạt
-	Số lớp MG 5 tuổi có đủ ĐĐĐC-TBDH tối thiểu theo quy định	5	100%	Đạt
-	Số lớp MG 5 tuổi được trang bị máy VT	5	100%	Đạt
	Tổng số phòng học cho lớp MG 5 tuổi	5	100%	Đạt
- Trong đó:	+ Phòng kiên cố	5	100%	Đạt
	+ Phòng bán kiên cố (cấp 4)			
	+ Phòng xuống cấp			
-	Tính riêng số phòng học nhờ	0		
	Tỷ lệ phòng học/lớp(nhóm)	1		
Diện tích phòng sinh hoạt chung	Tính bình quân trên lớp	80		
	Tính bình quân trên trẻ	2,7		

* **Đánh giá:** Đạt Chưa đạt

1.5.2. Tiêu chuẩn 2: Đội ngũ giáo viên

	Nội dung	Kết quả thực hiện		Đánh giá
		SL	%	
-	Tổng số giáo viên dạy MG 5 tuổi	10	100	Đạt
-	Tỷ lệ bình quân giáo viên dạy MG 5T / lớp	2,0	100	Đạt
-	Giáo viên dạy MG 5T được hưởng chính sách quy định	10	100	Đạt
- Trình độ chuyên môn của giáo viên dạy MG 5T	+ Đại học MN	9	90	Đạt
	+ Cao đẳng MN	1	10	Đạt
	+ Trung cấp MN			Đạt

* **Đánh giá:** Đạt Chưa đạt

1.5.3. Tiêu chuẩn 3: Chất lượng chăm sóc, giáo dục trẻ

	Nội dung	Kết quả thực hiện		Đánh giá
		SL	%	
-	Huy động trẻ 5 tuổi đi học	170	100	Đạt
-	Trẻ 5 tuổi hoàn thành CTGDMN			
-	Trẻ 5 tuổi chuyên cần	170	100	Đạt
-	Trẻ 5 tuổi được theo dõi cân nặng bằng biểu đồ	170	100	Đạt
-	Trẻ 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân			Đạt
-	Trẻ 5 tuổi được theo dõi chiều cao bằng biểu đồ	170	100	Đạt
-	Trẻ 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi			Đạt

* **Đánh giá:** **Đạt** **Chưa đạt**

Đánh giá chung:

Đối chiếu với các quy định về điều kiện, tiêu chuẩn PCGDMNCTE5T tại thông tư 36/2013/TT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi bổ sung một số điều của quy định điều kiện tiêu chuẩn quy trình công nhận PCGDMNCTE5T ban hành kèm theo Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 Quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, Phường Đa Phúc đã đạt tiêu chuẩn PCGDMNCT 5T.

2. PHỔ CẬP XÓA MÙ CHỮ (XMC)

- Xóa mù chữ trong độ tuổi học tiểu học:

Tổng số trẻ khuyết tật: 3

Tổng số trẻ khuyết tật có khả năng học tập: 3

Tổng số trẻ khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục:

73; đạt tỉ lệ: 100 % (Chuẩn: đạt 70% trở lên)

- Xóa mù chữ trong độ tuổi 15-60 tuổi:

Độ tuổi	Dân số trong độ tuổi		Người mù chữ trong độ tuổi		Tỷ lệ % người mù chữ
	Tổng số	Nữ	Tổng số	Nữ	
Từ 15 - 25	1623	770	0	0	0
Từ 26 - 35	1626	727	0	0	0
Từ 36 - 60	3575	1661	0	0	0
Tổng	6824	3158	0	0	0

Đánh giá:

- **ĐỐI CHIẾU TIÊU CHUẨN PHỔ CẬP TIỂU HỌC MỨC ĐỘ 3: Đạt**

ĐỐI CHIẾU Theo Nghị định số 20/ 2014/NĐ-CP ngày 23/4/2014 của Chính phủ về các tiêu chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ Quy định kiểm tra công nhận phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi. Trường Tiểu học Đa Phúc tự đánh giá đạt chuẩn PC-XMC (mức độ 2).

3. PHỔ CẬP TIỂU HỌC

3.1 Tiêu chuẩn 1: Học sinh

- Tổng số trẻ sinh năm 2018 là: 189 ; khuyết tật: 0, số trẻ chuyển đi: 2 phải PC là: 187

- Đã vào học lớp 1 tháng 9/2021 là: 187 đạt tỷ lệ: 100 %.

2. Tổng số trẻ sinh năm 2013 là: 178; khuyết tật: 0; chuyển đến: 0 đi học sớm 0

Số trẻ phải PC là: 178 Số trẻ 11 tuổi này đã HTCT tiểu học tháng 5/2021 là: 176 Đạt tỷ lệ 98 %

ĐỐI CHIẾU TIÊU CHUẨN PHỔ CẬP TIỂU HỌC MỨC ĐỘ 3: Đạt

3.2. Tiêu chuẩn 2: Giáo viên

Tổng số giáo viên/lớp đạt 39/25. Tỷ lệ 1,56 %;

100% giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn. Trong đó trình độ Thạc sĩ 3 đ/c đạt 7,4%, Đại học Sư phạm 31 đ/c đạt 75,6%; Cao đẳng Sư phạm 7 đ/c đạt 17%.

Có đủ giáo viên dạy môn chuyên: Mỹ thuật, Âm nhạc, Ngoại ngữ.

Chưa có giáo viên dạy Tin học

ĐỐI CHIẾU TIÊU CHUẨN PHỔ CẬP TIỂU HỌC MỨC ĐỘ 3: Đạt

3.3. Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất

Vị trí trường gần đường giao thông thuận lợi cho việc đi lại, học tập của học sinh.

Tổng diện tích nhà trường: 7480m² trung bình 7,8m² /HS, đã xây dựng: 4500m²

- Sân chơi: 2 400m²; - Sân tập: 500 m²

- Số dãy nhà cao tầng: 03 - Số dãy nhà cấp 4 ; 0

- Tổng số phòng học: 26 phòng (trong đó cao tầng 26 : - Cấp 4: 0)

- Số phòng/lớp là : 25/25 phòng (1,07)- Tổng số phòng chức năng: 05

Trong đó:

- Phòng Hiệu trưởng: 28 m² - Phòng phó Hiệu trưởng: 28 m²

- Phòng hội đồng GV: 56 m²

- Số phòng thiết bị giáo dục: 01 phòng (12 m²)

- Văn phòng : 1 phòng 56 m²

- Khu vệ sinh GV: 15 m² - Khu vệ sinh HS nam 35 m² nữ: 35 m²

- Phòng Bảo vệ: 12 m² ; - Bảng chống loá: 30 cái (đủ cho các phòng học)

- Bàn ghế HS: 475 bộ (đủ cho học sinh ngồi) trong đó bàn ghế chuẩn 475 bộ
- Bàn ghế GV: 25 bộ / 25 phòng; trong đó bàn ghế chuẩn 25 bộ
- Trường Đạt “ Xanh - Sạch - Đẹp”; an toàn.
- Vệ sinh trường: Sạch sẽ; - Có hệ thống thoát nước tốt; - Có hệ thống nước sạch;
- Hệ thống chiếu sáng học đường 100% các phòng; - Hệ thống quạt mát 100% các phòng
- Sĩ số HS năm học 2024 - 2025: 950 HS
- Số lớp: 25 - Số lớp đạt chuẩn: 25
- Số lớp học 2 buổi/ngày: 25 tỷ lệ: 100 % - Số HS học 2 buổi /ngày: 950 tỷ lệ 100 %

* Trường đã đạt chuẩn quốc gia giai đoạn I năm 2001

***Đổi chiếu tiêu chuẩn phổ cập tiểu học:**

Đổi chiếu Theo Nghị định số 20/ 2014/NĐ-CP ngày 23/4/2014 của Chính phủ về các tiêu chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ Quy định kiểm tra công nhận phổ cập giáo dục Tiểu học đúng độ tuổi. BCĐ Đa Phúc tự đánh giá đạt chuẩn PCGDTHĐĐT (**mức độ 3**).

Có đủ văn bản chỉ đạo các cấp, thống kê, báo cáo, kế hoạch công tác PCGD 2024, đầy đủ các báo cáo và biên bản liên quan, cập nhật thường xuyên, sắp xếp khoa học.

- Tập Văn bản chỉ đạo các cấp về công tác PCGD, CMC.
- Kế hoạch, báo cáo công tác PCGD, CMC năm 2024.
- Tập biểu thống kê kết quả công tác PCGD
- Sổ phổ cập THCS theo độ tuổi.
- Phiếu điều tra hộ gia đình.
- Tập minh chứng.
- Sổ đăng bộ THCS.
- Danh sách tốt nghiệp THCS.
- Danh sách học sinh chuyển đi chuyển đến.

*Số liệu trong thống kê, báo cáo, phiếu điều tra, sổ PC...(khớp, đúng, độ tin cậy, có được triết xuất, in ra từ phần mềm PCGD-XMC).

Các thống kê báo cáo, phiếu điều tra, sổ PC được thống kê tổng hợp từ kết quả điều tra, in ra từ File điều tra PCGD-XMC, số liệu đều khớp cơ bản đầy đủ chứng lý.

- Hồ sơ đề nghị công nhận: Hồ sơ đầy đủ, sạch sẽ, sắp xếp khoa học.
- Các biểu mẫu thống kê: Thống kê đầy đủ, khớp với phiếu điều tra và sổ phổ cập.
- Sổ phổ cập THCS: Đầy đủ, chính xác, đúng độ tuổi theo qui định, trùng khớp với phiếu điều tra.

- Sổ đăng bộ: Cập nhật thông tin đầy đủ, có ký duyệt của hiệu trưởng nhà trường.

- Phiếu điều tra: Cập nhật đầy đủ thông tin, rõ ràng.

4. Phổ cập THCS:

*** Đơn vị đã đạt và duy trì được chuẩn PCGD tiểu học và chống mù chữ mức: Đạt mức độ 3.**

- Số trẻ 6 tuổi phải PC: 184 , đã huy động vào lớp 1 năm học 2024 - 2025 là: 184 đạt tỷ lệ: 100% (*chuẩn 90% trở lên*).

- Tổng số trẻ 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học (năm học 2023 - 2024): 176/178, đạt tỉ lệ 98.88%,

- Tổng số trẻ 11-14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học (tính đến năm học 2023 - 2024): 899/901 đạt tỉ lệ 99.78%. Trong đó số trẻ em 14 tuổi: 206; hoàn thành chương trình tiểu học: 206; Tỉ lệ 100%.

- Tổng số trẻ 11 tuổi đang học ở Tiểu học: 2/178 chiếm tỉ lệ 1.12%

*** Tiêu chuẩn 2:** (Hiệu quả)

- Tổng số thanh, thiếu niên từ 15-18 tuổi phải phổ cập: 720; tốt nghiệp THCS (tính đến năm học 2023 - 2024): 719; Tỉ lệ 99.86%

- Tổng số thanh, thiếu niên từ 15-18 tuổi đã tốt nghiệp THCS đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên, GDNN: 708/720; Tỉ lệ 98.33%

- Số thanh, thiếu niên trong độ tuổi 11-18 tuổi bỏ học (cả 3 cấp): 11/1621; Tỉ lệ 0.68% trong đó độ tuổi từ 11-14 tuổi bỏ học: 0/1621, tỉ lệ 0%; độ tuổi từ 15-18 tuổi bỏ học: 11/1621, tỉ lệ 0.68%

- Số thanh, thiếu niên từ 15-18 ngoài nhà trường (cả 3 cấp): 11/720, Tỉ lệ 1.53%

- Số lớp PCGD THCS: 0

- Tổng số trẻ khuyết tật trong độ tuổi từ 11-18 tuổi trên địa bàn: 6, số trẻ khuyết tật 11-18 tuổi được tiếp cận giáo dục: 1; Tỉ lệ: 50%

- Số học sinh lớp 9 năm học 2023 - 2024 là: 184

- Số hs trên đã tốt nghiệp THCS là: 184) đạt tỷ lệ: 100% (*chuẩn 90% trở lên*).

- Tổng số thanh, thiếu niên từ 15-18 tuổi phải phổ cập: 720; tốt nghiệp THCS (tính đến năm học 2023 - 2024): 719; Tỉ lệ 99.86%

- Tổng số thanh, thiếu niên từ 15-18 tuổi đã tốt nghiệp THCS đang học chương trình giáo dục phổ thông hoặc giáo dục thường xuyên, GDNN: 708/720; Tỉ lệ 98.33%

- Số thanh, thiếu niên trong độ tuổi 11-18 tuổi bỏ học (cả 3 cấp): 11/1621; Tỉ lệ 0.68% trong đó độ tuổi từ 11-14 tuổi bỏ học: 0/1621, tỉ lệ 0%; độ tuổi từ 15-18 tuổi bỏ học: 11/1621, tỉ lệ 0.68%

- Số thanh, thiếu niên từ 15-18 ngoài nhà trường (cả 3 cấp): 11/720, Tỷ lệ 1.53%

- Số lớp PCGD THCS: 0

- Tổng số trẻ khuyết tật trong độ tuổi từ 11-18 tuổi trên địa bàn: 6, số trẻ khuyết tật 11-18 tuổi được tiếp cận giáo dục: 1; Tỷ lệ: 50%

Đánh giá chung: Đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3

5. Phổ cập TH&Nghề:

5.1. Tiêu chuẩn Điều kiện:

* Cơ sở vật chất:

- Số nhà cao tầng: 02 - Tổng số phòng học: 16- Trong đó phòng học kiên cố: 16, bán kiên cố 0

- Các phòng chức năng đã có: 02 phòng.

- Tổng diện tích đất: 9023 m²; Đủ

* Tổng số CB, Viên chức: 39 đ/c -Trong đó BGH: 3 đ/c

- Tổng phụ trách: 01

- GV trực tiếp đứng lớp: 34 đ/c - Tỷ lệ GV/lớp là 1,7 GV

- Hợp đồng Quận: 2; Hợp đồng trường: 0 ; Hợp đồng Bảo vệ: 1 đ/c

- Trình độ ĐH: 38/39 đạt 97.44% - CĐ: 1 đạt 2,56 % ; - Chưa chuẩn: 1

- Trên ĐH: 01 đạt 2,56 %

- Tỷ lệ đạt chuẩn: 97.44 % ; trên chuẩn 2,56 %.

- Cán bộ theo dõi công tác PCGD-XMC được phân công: 20 đồng chí

* Số lớp, số học sinh tại thời điểm kiểm tra:

- Số lớp: 20 - Tổng số học sinh: 924, Trong đó số học sinh lớp 9: 199

- Số lớp học 2 buổi/ngày là: 0; Số HS học 2 buổi/ngày là: 0

5.2. Kết quả điều tra

- Tổng số học sinh TNTHCS (hai hệ) năm qua (học sinh lớp 9 năm học 2023 - 2024): 174 đạt tỉ lệ 100%;

- Số học sinh tốt nghiệp THCS năm học 2023 - 2024 vào học lớp 10 THPT, GDTX, THPT, TCCN, trường dạy nghề 174 chiếm tỉ lệ 100% (trong đó vào học lớp 10 THPT: 151; Tỷ lệ: 86.78%, học lớp 10 GDTX THPT 1, tỉ lệ 0.57%, học nghề 22, tỉ lệ 12.64%,).

- Tổng số học sinh tốt nghiệp THPT năm qua (năm học 2023 - 2024): 195/195; Tỷ lệ 100%;

- Tổng số thanh, thiếu niên từ 18-21: 663; có bằng tốt nghiệp THPT, BT THPT, THCN: 618; Tỷ lệ 93.21%

- Số thanh, thiếu niên trong độ tuổi 18-21 tuổi ngoài nhà trường: 17; Tỷ lệ: 2.56%;

* ***Kết quả: Đạt chuẩn phổ cập trung học phổ thông***

5.3. Tồn tại:

- Còn có ít học sinh vào học THCS.
- Một bộ phận nhỏ phụ huynh học sinh chưa định hướng đúng khi con tốt nghiệp THCS (chọn trường thi vào THPT)

*** Đối chiếu với Công văn số 3420/BGDĐT của Bộ GD&ĐT và Quyết định số 2791/QĐ-UBND của UBND thành phố:**

Đánh giá chung: Đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục Trung học & Nghề

6. Công tác xóa mù chữ (trong độ tuổi 15-60 tuổi).

6.1. Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 25: 1619 trong đó:

- Số người trong độ tuổi từ 15-25 biết chữ: 1619; Tỷ lệ: 100%
- Số người trong độ tuổi từ 15-25 mù chữ: 0, Tỷ lệ: 0%
- + Số người mù chữ mức độ 1: 0 người; Tỷ lệ: 0%
- + Số người mù chữ mức độ 2: 0 người; Tỷ lệ: 0%

6.2. Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 35: 3223 trong đó:

- Số người trong độ tuổi từ 15-35 biết chữ: 3191, Tỷ lệ: 99.01%
- Số người trong độ tuổi từ 15-35 mù chữ: 32, Tỷ lệ: 0.99%
- + Số người mù chữ mức độ 1: 32 người; Tỷ lệ: 0.99%
- + Số người mù chữ mức độ 2: 32 người; Tỷ lệ: 0.99%

6.3. Tổng dân số độ tuổi từ 15 đến 60: 6777 trong đó:

- Số người trong độ tuổi từ 15-60 biết chữ: 6728, Tỷ lệ: 99.28%
- Số người trong độ tuổi từ 15-60 mù chữ: 49, Tỷ lệ: 0.72%
- + Số người mù chữ mức độ 1: 49 người; Tỷ lệ: 0.72%
- + Số người mù chữ mức độ 2: 49 người; Tỷ lệ: 0.72%
- Số lớp huy động XMC: 0/0 lớp/học viên.

*** Đánh giá tiêu chuẩn: Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2**

C. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM HỌC 2024- 2025

I. Chỉ tiêu phấn đấu

- Phổ cập Mầm Non 5 tuổi : Giữ vững kết quả phổ cập giáo dục Mầm non cho trẻ 5 tuổi.

- Phổ cập Tiểu học: Giữ vững kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi mức độ 2.

+ Học sinh vào lớp 1: 100%

+ Hoàn thành chương trình Tiểu học: 99%- 100%

- Phổ cập THCS:

+ Tiêu chuẩn 1 (Điều kiện): 100%

+ Tiêu chuẩn 2 (Huy động): 100%

+ Tiêu chuẩn 3 (Hiệu quả): Tốt nghiệp THCS 100%; Tỷ lệ độ tuổi 15-18 có bằng tốt nghiệp THCS: 98- 100%. Giữ vững kết quả PC THCS năm 2024.

- Phổ cập Trung học và nghề:

Giữ vững kết quả phổ cập giáo dục Mầm non, giáo dục Trung học và Nghề năm 2024.

+ Tỷ lệ huy động 97- 99%,

+ Tỷ lệ hiệu quả 95%- 98%

II. Giải pháp thực hiện

- Tăng cường sự chỉ đạo của cấp uỷ Đảng, chính quyền địa phương, làm tốt công tác tuyên truyền, vận động, phối kết hợp chặt chẽ với các ban ngành, đoàn thể, tuyên truyền về mục đích ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phổ cập giáo dục trong sự nghiệp phát triển kinh tế-xã hội, nâng cao đời sống vật chất tinh thần cho nhân dân.

- Tích cực vận động các trường hợp trong độ tuổi tham gia học tập theo 4 loại hình.

- Tăng cường cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, duy trì sĩ số học sinh, phấn đấu không có học sinh bỏ học.

- Trường THCS làm tốt công tác hướng nghiệp, chọn trường, phân luồng học sinh sau tốt nghiệp THCS.

- Quan tâm giúp đỡ tạo điều kiện cho những học sinh có hoàn cảnh khó khăn cả về vật chất lẫn tinh thần.

III. Kiến nghị đề xuất.

- Phần mềm khó thực hiện cho khâu thống kê báo cáo, kết nối mạng chậm Đề nghị cấp trên xem xét khắc phục.

- Đề nghị các cấp lãnh đạo quan tâm hơn nữa, có kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất cho các trường, xây dựng trường Tiểu học đạt chuẩn Giai đoạn 2, THCS, Mầm Non đạt Chuẩn Quốc gia, tiếp tục đầu tư CSVC cho trường THCS và Mầm Non để đáp ứng nhu cầu nâng cao chất lượng dạy và học.

- Tăng cường nguồn kinh phí phân bổ cho địa phương thực hiện công tác phổ cập giáo dục.

- Sở GD&ĐT Tham mưu với Thành phố chỉ đạo các trường THPT cùng phải thực làm công tác Phổ cập THPT và Nghề theo Thông tư 32/ BGD-ĐT Ban hành điều lệ trường Phổ thông (*Vận động HS ra lớp, duy trì sĩ số, đào tạo cấp bằng, cung cấp chứng lý*)

Nơi nhận:

- Ban Chỉ đạo PCGD quận(BC)
- Đảng uỷ-UBND phường;
- Ban điều hành PCGD phường;
- Lưu VP.

TM. BCD PC-XMC PHƯỜNG

TRƯỞNG BAN BCD

PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Văn Lâm